

VĂN HÓA HÀNH CHÍNH VÀ THỂ DIỆN QUỐC GIA

NGUYỄN HỮU KHIỂN*

Văn hóa hành chính vừa là biểu hiện đặc thù của văn hóa nói chung, văn hóa công quyền nói riêng, lại vừa là nhân tố bao trùm lên các bộ phận cấu thành của một nền hành chính và là biểu hiện của thể diện quốc gia. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, dường như ít được quan tâm ngay cả với những nghiên cứu trong lĩnh vực hành chính học và cũng có lẽ vì thế mà vai trò của văn hóa hành chính chưa được chú trọng đúng mức trong mối quan hệ với thể diện quốc gia. Bài viết đi sâu phân tích một số nội dung về mối quan hệ giữa văn hóa hành chính với việc giữ gìn thể diện quốc gia.

Từ khóa: Văn hóa; văn hóa hành chính; quản lý nhà nước; thể diện; thể diện quốc gia.

Administration culture is a specific expression of culture in general and public service culture in particular, a factor that covers the constituent parts of an administrative system, and an expression of the national image. Administration culture has been given little attention in the administration literature in Viet Nam and its role in building the national image has not been focused properly. The paper analyzed the relationship between the administration culture and the national image.

Keywords: Culture; administration culture; state management; national image.

NGÀY NHẬN: 09/8/2022

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 12/9/2022

NGÀY DUYỆT: 17/10/2022

1. Đặt vấn đề

Văn hóa hành chính (VHHC) là một bộ phận cấu thành của văn hóa và là bộ phận gắn liền với lĩnh vực tổ chức và hoạt động của nền hành chính nhà nước. Do vậy, VHHC cũng là một lĩnh vực đặc thù của văn hóa công quyền, một biểu hiện của văn hóa pháp lý, có mối quan hệ mật thiết với văn hóa tổ chức và rộng hơn, với văn hóa chính trị. Vì vậy, VHHC có vai trò quan trọng đối với quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như trong việc giữ gìn hình ảnh, thể diện quốc gia (TDQG).

2. Nhận diện về thể diện quốc gia (chủ thể)

Một hình ảnh tích cực, thường qua một hoạt động hay hành vi nhất định nào đó, ở một cá nhân, địa phương hay một đất nước được khắc họa từ đối tượng nhận thức bằng cảm xúc hay tư duy. Một trong những ý thức đó được khái quát bằng một thuật ngữ “thể diện”. Giữ thể diện, là dạng ý thức định hướng hành vi theo hướng tích cực, duy trì giá trị chủ thể.

Giữ thể diện cho gia đình, dòng họ, quê hương hay đất nước đều theo hướng chung như thế. Giữ thể diện là cảm nhận tự hào về

* GS.TS, Học viện Hành chính Quốc gia

những giá trị của chủ thể trong quan hệ với bên ngoài. Nó cũng thể hiện sự khuyên răn, hay nhắc nhở ai đó, khi họ chuẩn bị làm một việc, một hoạt động nhất định. Giữ thể diện là một loại giải pháp giáo dục chủ thể, sự ca thán hay nuối tiếc thường nhằm vào hành vi đã qua của các cá nhân hay tập thể mà họ mang lại hiệu ứng tiêu cực về mặt thể diện (tới gia đình, quê hương hay đất nước).

Bàn về thể diện tức là phân tích mặt tích cực của hành vi một chủ thể, đó là: “tổng hợp các mặt tích cực, tiến bộ tạo nên hình ảnh của một cá nhân, cộng đồng hay cả một quốc gia”. Hành vi liên quan tới thể diện, phải có tính tích cực đột biến, bất thường. Trong đời sống, mọi chủ thể giao tiếp xã hội đều có mặt thể diện biểu hiện ra ngoài, chỉ có điều nó được sử dụng bằng những thuật ngữ khác, theo cách khác âm đồng nghĩa. Chẳng hạn, “uy tín quốc tế” (của một nhà nước); giữ cho, làm gì đó “vì màu cờ sắc áo” trong các cuộc thi đấu quốc tế... đều liên quan đến thể diện ở tầm quốc tế của một nhà nước.

Sự yêu mến, cảm tình quốc tế đến một mặt của đời sống, cũng là góc cạnh bồi đắp TDQG. Chẳng hạn những món ăn thể hiện “quốc hồn quốc túy” hay chiếc nón quai thao, tà áo dài của phụ nữ Việt Nam, đều là những thứ mà ai làm ra, sử dụng chúng đều tự nhủ phải cẩn thận, trân trọng và tự hào. Đó là những “hạt ngọc” làm nên TDQG.

Thể diện của một chủ thể là hình ảnh có tính đặc trưng, nổi trội trong tương quan so sánh. Thể diện còn là sự tự thừa nhận của chính chủ thể (như đại đa số công dân Việt Nam ra nước ngoài, trong mọi hành động, quan hệ đều tự hào mình là người Việt Nam). Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã mượn câu trong truyện Kiều “nghĩ mình phương diện quốc gia”¹ để nhắc nhở cán bộ không nên phạm những sai lầm đáng tiếc trong công vụ, nhất là loại hành vi tham nhũng, tiêu cực, mà làm hỏng hình ảnh đẹp, văn minh, văn hóa

của quốc gia, dân tộc. Phương diện quốc gia ở đây thiết nghĩ, nó đồng nghĩa với chữ TDQG, những hình ảnh trân quý, văn hóa, văn minh của dân tộc phải biết tự hào và gìn giữ cũng như gửi thông điệp tích cực về một đất nước mà quốc tế đã định hình về đất nước Việt Nam.

Thể diện không phải tự nhiên mà có và không phải chỉ qua một vài tác động nhất thời, thoáng qua mà hình thành. Tinh thần đoàn kết, tự chủ, ý thức giúp đỡ lẫn nhau “lá lành đùm lá rách”... là mặt thể diện của người Việt, đất nước Việt Nam được tích tụ ngàn đời, qua nhiều thế hệ mới có được. TDQG làm nên từ tổng hợp những khía cạnh xã hội tích cực, trân quý của quốc gia đó, thể hiện ở mặt văn hóa dân tộc dưới giác độ của cái đẹp, tích cực trong sản xuất, đời sống chính trị, quản lý xã hội, trong sự cố kết cộng đồng dân tộc hay phẩm chất không biết khuất phục trước thế lực thù địch... Cho nên, xã hội rất đa dạng về hành vi văn minh thì cũng có đủ các loại hình nhân vật mà hình ảnh đẹp của họ tác động tích cực tới việc bồi đắp cho thể diện đất nước.

Thể diện có tính xã hội sâu sắc, vì đó là mặt hành vi chỉ có trong xã hội của con người, thông qua quan hệ giữa hành vi chủ thể (một cá nhân cụ thể) và sự kiểm chứng xã hội tác động đến họ (gia đình, quê hương, đất nước). Những mặt khách quan, như: sông, núi, phong cảnh, đa sắc muôn loài của đất nước cũng không làm nên TDQG được. Điều kiện tự nhiên muốn góp phần vào TDQG dứt khoát phải có sự tác động tích cực của con người (những chủ trương, chiến lược, dự án, đề án kinh tế, văn hóa - xã hội, những quyết sách của tổ chức hay người lãnh đạo, người đứng đầu...).

Trong nền hành chính quốc gia, giáo dục tư tưởng, vấn đề rèn luyện, tu dưỡng nhiều mặt của công chức, trong đó chắc chắn có vấn đề xây dựng hình ảnh tích cực cho xã hội từ hành vi công vụ của họ. Những học phần

bồi dưỡng, cập nhật về văn hóa, đạo đức công vụ chắc chắn liên quan đến thể diện của nền công vụ nước nhà trong hành vi của công chức.

Ở thời đại công nghệ thông tin hiện nay, thế giới trở nên “phẳng” hơn, khiến cho mọi thông tin ở bất kỳ nơi nào trên hành tinh này chỉ sau thời khắc, nó đã lan tỏa và đập vào cảm xúc của con người. Một hành vi dù ở “hang cùng ngõ hẻm”, nếu được đưa lên mặt báo hay mạng xã hội, lập tức nó có tầm ảnh hưởng quốc tế theo hướng đánh giá của dư luận. Vậy nên, truyền thông là một kênh giám sát hữu hiệu hoạt động xã hội. Không ít những tình huống tích cực có tác dụng lan tỏa hoặc tiêu cực phản cảm đã tức thời được phản ánh, thậm chí ở phạm vi toàn cầu.

3. Vấn đề thể diện trong hoạt động quản lý nhà nước

Cán bộ, công chức (CBCC) nhà nước là nguồn lực quan trọng của hệ thống chính trị nói chung, hệ thống công vụ nói riêng. Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của CBCC luôn luôn nhân danh Nhà nước, nếu làm tốt (đúng chức năng, đúng pháp luật, thái độ thân thiện, tinh thần trách nhiệm cao...) đều gián tiếp hay trực tiếp làm đẹp cho hình ảnh của Nhà nước, trước hết là Chính phủ, các bộ, ngành hay các cấp chính quyền địa phương. Không phải hành vi chỉ ở ngoài nước mới có tác dụng xây dựng hay giữ gìn TDQG. Tình quân dân như “cá với nước” là một trong những mẫu mực của quân nhân trong quan hệ với Nhân dân. Thể hiện sự mẫu mực về tình cảm, sự thân thiện, gần bó máu thịt của chiến sĩ với đồng bào mình. Một quan hệ có giá trị TDQG rất đặc trưng của con người Việt Nam. Đối với CBCC, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn căn dặn vấn đề cốt lõi, bản chất của nền công vụ dân chủ, văn minh, đó là cán bộ là công bộc của Nhân dân, làm cán bộ là làm đầy tớ, không phải làm cán bộ để cầu mong sự thăng quan tiến chức, cao hơn sự phục vụ cho Nhân dân, đất

nước. Đó là những giáo huấn về chức năng, nhưng mang tính đạo đức, văn hóa chính trị sâu sắc và đương nhiên, cũng là lời khuyên cán bộ phải giữ thể diện cho Chính phủ, cho Nhà nước trước Nhân dân.

Hiện nay, trong hệ thống công vụ, số CBCC vi phạm pháp luật không ít, tuy nhiên, vẫn chưa đánh giá về những lỗi vô ý mà chỉ đề cập đến yếu tố thiếu rèn luyện của chủ thể, như: chây lười, hống hách, không chuyên nghiệp hay gây phiền hà, sách nhiễu... Đặc biệt nhóm nhận thức và hành vi “lệch chuẩn” (so với khung tiêu chuẩn công chức quy định trong pháp luật), như: địa phương chủ nghĩa, lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí, lối sống vương giả (từ chọn phòng làm việc, chọn xe ô tô, chọn chỗ ăn uống, sinh hoạt...), xuất hiện khá phổ biến cả về số lượng, loại hình công vụ, khu vực công tác... Việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là giải pháp khoa học để ngăn chặn nhóm hành vi tiêu cực trên.

Mặc dù, Việt Nam được đánh giá là tăng điểm trong xếp hạng chỉ số nhận thức tham nhũng năm 2021, song nước ta vẫn đứng ở khoảng giữa trong bảng xếp hạng “87/180 quốc gia và vùng lãnh thổ”². Các chỉ số về minh bạch, Việt Nam có nhiều cải thiện, nhưng vẫn đứng ở thứ hạng thấp trong hơn 100 quốc gia được đánh giá.

Giữ TDQG không phải là chức năng của CBCC nhưng về mặt đạo đức công vụ đã bao hàm trách nhiệm bảo vệ hình ảnh xã hội. Cho nên giữ TDQG là phần tác động vô hình trong trách nhiệm công vụ, nó giống như câu nói “hữu xạ tự nhiên hương”³. Giữ TDQG trong công vụ gắn liền với sĩ diện của CBCC, của cơ quan và tổ chức, tác động tới thể diện có thể vô tình cũng có thể cố ý. Vô tình là do sự tắc trách công vụ do không chú ý, còn cố ý là biết làm như thế là vi phạm pháp luật hay vi phạm đạo đức nhưng chủ thể vẫn cố ý, bỏ qua sự liêm sỉ chỉ vì thỏa mãn cá nhân. Việc đánh giá những hành vi tiêu cực trong

công vụ, không phải bây giờ mới có, cha ông ta đã đúc kết hành vi tiêu cực của quan chức qua những ca dao, thành ngữ chế diễu sự kém cỏi về chuyên môn, nhân cách và phẩm chất của công quyền. Như phê phán sự tham lam bất chấp công lý có câu “nén bạc đâm toạc tờ giấy”; thói chạy chọt, ăn tiền để bỏ quan cũng được dân gian vạch tội “Muời quan thì đặng tước hầu. Năm quan tước bá, ai hầu kém ai”...

Trong thời kỳ quản lý xã hội theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xã hội còn trong thời chiến, của cải chưa nhiều, dựa vào việc phân phối, binh quân làm căn bản để tồn tại vì sự nghiệp thống nhất đất nước. Tuy vậy, những hành vi làm mất thể diện trong hệ thống phục vụ vẫn không phải vì thế mà không xuất hiện. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng dự đoán tài tình, dường như đã biết rõ những khuyết tật của hệ thống công vụ, Người không ít lần huấn thị về đạo đức người cán bộ, phê phán thói hư, tật xấu, khuyến khích cần, kiệm, liêm, chính trong thực hành công vụ. Những yêu cầu có tính thể chế đã được quy định từ những năm đầu của chính quyền dân chủ thông qua bản quy chế công chức theo Sắc lệnh số 76-SL ngày 20/5/1950, công chức phải “... đem tất cả sức lực và tâm trí, theo đúng đường lối của Chính phủ và nhằm lợi ích của Nhân dân mà làm việc”⁴. CBCC còn có bốn phận gìn giữ uy tín chính trị cho Nhà nước trước Nhân dân và cộng đồng quốc tế.

CBCC là “người nhà nước” nên phải bảo vệ danh dự quốc gia như một lẽ tự nhiên, hơn nữa, công dân muốn tham gia vào công vụ hành chính, họ phải qua kỳ tuyển dụng nghiêm túc với các tiêu chuẩn ngày càng cao. Những người ưu tú được chọn lọc trong xã hội, hơn công dân ở chỗ “đầu đội chính sách” lại được trao quyền, nhân danh nhà nước, được học tập, bồi dưỡng để thành người tử tế và có trình độ năng lực. Với năng lực, trách nhiệm và chức năng, CBCC trong

bộ máy quản lý nhà nước càng phải xây dựng hình ảnh trong VHHC. Vì vậy, vấn đề VHHC luôn là một trong những nội dung để CBCC được học tập, bồi dưỡng kiến thức.

TDQG soi chiếu vào hệ thống công vụ, trước hết tới người thụ hưởng là xã hội, toàn dân trong nước, sau đó là dư luận quốc tế. TDQG không cần chờ người nước ngoài đánh giá, chính người thân, cộng đồng, địa phương và Nhà nước là người phán xét hành vi làm ảnh hưởng tới quá trình xây dựng văn hóa, văn minh dân tộc đối với CBCC.

Vai trò, trách nhiệm, sự lan tỏa của hoạt động quản lý nhà nước (QLNN) trong việc giữ gìn và lan tỏa hình ảnh tích cực của tổ chức và của tập thể, cuối cùng cũng liên quan tới việc giữ gìn TDQG trong VHHC.

Thứ nhất, thiết chế QLNN là thiết chế pháp lý căn bản của tổ chức hoạt động quản lý trong nhà nước pháp quyền đang xây dựng, hoàn thiện. Cơ quan QLNN còn có phương tiện vật chất, kỹ thuật và tài chính để bảo đảm cho hoạt động. Bên cạnh đó, còn có chế tài hành chính là công cụ điều chỉnh hành vi của xã hội, nên VHHC phải gánh trách nhiệm hàng đầu của thể chế trong việc xây dựng biểu tượng văn hóa của dân tộc.

Thứ hai, sức mạnh lan tỏa và sự ảnh hưởng của VHHC rất lớn, vì liên quan đến chức năng và loại hình hoạt động QLNN đối với tất cả những quan hệ xã hội do pháp luật quy định.

Thứ ba, mọi công dân khi nhận thức về hoạt động QLNN như một chỗ dựa vững chắc, họ sẽ tự do sản xuất - kinh doanh, tự do đi lại hưởng thụ cuộc sống, tự do làm đẹp cho bản thân mà không có sự bất an của tình trạng an ninh xã hội.

4. Quan hệ giữa văn hóa hành chính và gìn giữ thể diện quốc gia

VHHC là nói đến nét đẹp, các giá trị, tính tích cực của QLNN. Nó thể hiện qua rất nhiều yếu tố, tiểu tiết về tổ chức và con

người; về thể chế chính trị và thiết chế hành chính; về thực thi công vụ và tác phong, thái độ của CBCC; về những yếu tố nội tâm và hình thức bên ngoài của cá nhân và đơn vị; về những phẩm chất liên quan đến cần, kiệm, liêm, chính trong công vụ... VHHC trên nền tảng phù hợp với pháp luật, không thể có hành vi quản lý vi phạm pháp luật lại có văn hóa được. Vì đó là điều kiện cần của một xã hội pháp quyền nhưng VHHC còn cao hơn pháp lý quản lý, vì chứa đựng giá trị ngoài yêu cầu hợp pháp (trách nhiệm, sự giao tiếp lịch sự, văn minh trong công vụ...).

VHHC là sự thống nhất giữa chất lượng công vụ và các biểu cảm chủ quan phù hợp tới đối tượng phục vụ. CBCC có thái độ thân thiện, lịch sự nhưng làm sai quy định hoặc gây thiệt hại thì đó là sự phản VHHC.

VHHC là nói về sự ngày càng hoàn thiện của nền công vụ theo hướng pháp quyền, văn minh, vì Nhân dân và phát triển bền vững. Nó đòi hỏi sự tích lũy, tích tụ tính tích cực theo thời gian và theo tổng số các hành vi trong đa dạng hình thái trong hoạt động công vụ. Do vậy, Nhà nước có chính sách khuyến khích người tài, nhưng cũng không thể coi nhẹ nhóm yếu thế.

(1) Đó là chức năng của Nhà nước đối với các nhóm người trong xã hội.

(2) Những hoạt động trợ giúp khu vực khó khăn không phải hoạt động sinh lợi ích nên không thể khuyến khích khu vực tư. Nhà nước được Nhân dân đóng thuế nuôi bộ máy nên không thể bỏ rơi nhóm yếu thế, nhất là trong dịch vụ y tế, giáo dục.

Thực tế những năm gần đây, tại các đô thị, phương tiện truyền thông thường đề cập nhiều cuộc cạnh tranh trường chuyên, lớp chọn, nhưng không thấy thông tin quản lý đề cập sự chăm lo của chính quyền các cấp đến việc học tập cho học sinh có hoàn cảnh, năng lực yếu đang học trên địa bàn cư trú. Khi chúng ta đang xây dựng và hoàn thiện Nhà

nước của dân, do dân theo chủ trương, đường lối của Đảng, việc bảo đảm sự hài hòa trong quản lý các nhóm đối tượng, đặc biệt là nhóm yếu thế cũng là tiêu chí VHHC trong TDQG.

Vấn đề xã hội hóa dịch vụ công là một hình thái tiến bộ của VHHC, Nhà nước có chức năng bảo đảm các dịch vụ xã hội, bảo đảm càng nhiều, Nhà nước càng phát triển. Nhưng việc bảo đảm dịch vụ xã hội không có nghĩa là Nhà nước trực tiếp là người phục vụ, Nhà nước tiến bộ chỉ xây dựng các hành lang pháp lý cho hoạt động dịch vụ và khuyến khích xã hội tham gia. Theo tương quan so sánh, Nhà nước nào càng bỏ nhiều lao động quản lý cho dịch vụ và coi nhẹ khu vực tư thì càng phải cải cách để xã hội hóa. Nhà nước chỉ nên làm những việc mà khu vực tư không thể làm và không muốn làm. Không thể làm là hoạt động hoạch định chính sách; không muốn làm là ở đó có giá trị phục vụ nhưng lợi nhuận thì không (hoặc rất thấp).

Hành chính có tính hệ thống (dọc và ngang), do vậy, VHHC đương nhiên phải tuân thủ hệ thống mà thể hiện. Nếu ở một mắt xích trong hệ thống có sự khác biệt, như: biểu hiện tiêu cực, thủ tục phiền hà hay năng lực tổ chức thực hiện yếu kém thì sẽ ảnh hưởng đến hệ thống. Ví như, Chính phủ đã cấp tiền trợ cấp, hỗ trợ vật chất cho nhân viên y tế ứng phó đại dịch Covid-19 nhưng việc tổ chức thực hiện tại các địa phương hay bộ, ngành vẫn chưa tổ chức thực hiện được⁵.

Thể chế hành chính tạo ra hàng trăm, thậm chí hàng nghìn cơ quan, tổ chức các cơ quan hành chính công và hệ thống sự nghiệp công. Vậy nên, bảo đảm yếu tố VHHC cho hệ thống công vụ không đơn giản, bởi bên trong một cơ quan là cả một hệ thống nhân sự có vị thế, vị trí việc làm khác nhau, với nguyên tắc và thể thức thực thi công vụ không giống nhau. Các yếu tố chủ quan lại càng thể hiện sự khác biệt về trình độ, năng lực và kinh nghiệm; khác biệt về tính cách, phong cách, thái độ công vụ... Khác biệt về cung cách

ứng xử công vụ trong nội bộ và giao tiếp bên ngoài trụ sở.

VHHC đòi hỏi sự liên quan biện chứng giữa các bộ phận và các cá nhân. CBCC cũng là con người, khó nhận biết động cơ công vụ của họ là gì cũng là lẽ bình thường. Những chiến lược về quy hoạch, thử thách vị trí công vụ, luân chuyển, áp dụng hồi ty (không để người địa phương là lãnh đạo làm việc tại địa phương), yêu cầu kê khai tài sản trung thực, chịu trách nhiệm liên đới khi hình ảnh người thân CBCC vi phạm pháp luật... chính là những phương thức lãnh đạo hướng tới hạn chế điểm yếu, giữ lại điểm tốt trong nguồn lực. Giảm thiểu hành vi tiêu cực, đồng thời, làm gia tăng hành vi VHHC của CBCC trong hệ thống chính trị nói chung, trong bộ máy hành chính nhà nước nói riêng. Ngoài tính hệ thống trong nội bộ quản lý, VHHC còn thông qua hệ thống các quyền trong bộ máy nhà nước và trong hệ thống chính trị. Trong hệ thống chính trị, vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện trong hệ thống các chủ trương, chính sách, các quyết sách có tính bước ngoặt của sự phát triển đất nước. Nó thể hiện mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước vừa mang tính phổ biến, vừa có đặc thù Việt Nam là như vậy⁶.

Xét tương quan mối quan hệ giữa VHHC với việc giữ gìn, phát huy và bảo vệ TDQG, được thể hiện ở mối quan hệ cơ bản như sau:

Một là, mối quan hệ có tính nhân quả giữa hoạt động của Nhà nước với vị thế quốc gia. Nhân quả là việc tốt của quản lý sẽ bồi đắp cho mặt tích cực của hình ảnh đất nước. Ngược lại, nếu tiêu cực, dù là nhỏ nhưng với số lượng lớn (như thủ tục phiền hà trong hệ thống hành chính) cũng làm phiền lòng người dân trong nước với vị thế chủ thể của quyền lực công và ảnh hưởng đến uy tín quốc tế khi họ tiếp cận các dịch vụ.

Hai là, quan hệ giữa VHHC với uy tín quốc tế của Nhà nước là mối quan hệ giữa cái ổn định và cái vận động. Trong đó, ổn

định là uy tín đất nước, vận động là các hoạt động liên tục của hành chính nhà nước như một thuộc tính.

Ba là, mối quan hệ luôn hướng thiện, những mặt tích cực trong VHHC và văn hóa chính trị nhưng nó không hề bằng phẳng trên con đường phát triển. VHHC cũng như TDQG là vấn đề xã hội, gắn với hoạt động của con người đi kèm những phẩm chất cá nhân của họ. Vì vậy, sự thăng trầm khi thành công thuận chiều, khi khó khăn phải điều chỉnh, cũng là chuyện không có gì ngạc nhiên. Do vậy, đề cao hành vi quản lý có VHHC là sự tích tụ cái tích cực cho hình ảnh quốc gia, dân tộc, cần sự hành động của cả hệ thống, thường xuyên như “rửa mặt hàng ngày”⁷ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thường khuyến CBCC như vậy □

Chú thích:

1. *Giữ phương diện quốc gia*. <https://www.qdnd.vn>, ngày 21/02/2022.
2. *Việt Nam tăng điểm trong xếp hạng Chỉ số nhận thức tham nhũng 2021*. <https://laodong.vn>, ngày 26/01/2022.
3. *Hữu xạ tự nhiên hương*. <https://daibieunhandan.vn>, ngày 03/6/2021.
4. *Sắc lệnh số 76/SL ngày 20/5/1950 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa*.
5. *Nhân viên y tế phản ánh chưa nhận tiền chống dịch*. <https://plo.vn>, ngày 30/5/2022.
6. *Về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, ngày 30/5/2015.
7. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự tự phê bình và phê bình công khai trên báo chí*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, ngày 12/10/2015.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I, II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.
2. Nguyễn Hữu Khiển. *Đạo đức công vụ trong nhà nước pháp quyền ở Việt Nam*. Tạp chí Triết học số 10/2003.
3. Nguyễn Hữu Khiển (chủ biên). *Một số vấn đề của quản lý phát triển xã hội đô thị*. H. NXB Lao động, 2014.